

Số: 1001/QĐ-ĐHSPTDTHN

Hà Nội, ngày 24 tháng 9 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

V/v: Công nhận thí sinh trúng tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ,  
ngành Giáo dục học, Khóa 14, năm 2026

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TDTT HÀ NỘI**

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 91/2026/NĐ-CP ngày 30/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc Ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ;

Căn cứ Quy chế tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học sư phạm TDTT Hà Nội ban hành theo Quyết định số 680/QĐ-ĐHSPTDTHN ngày 28/12/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học sư phạm TDTT Hà Nội;

Căn cứ xác định chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ, ngành Giáo dục học, năm 2026 của Trường ĐHSPTDTT Hà Nội đã đăng ký với Bộ Giáo dục và đào tạo;

Căn cứ biên bản họp xét tuyển ngày 24/9/2026 của Hội đồng tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2026 của Trường ĐHSPTDTT Hà Nội;

Theo đề nghị của Trường Khoa Đào tạo Sau đại học.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận 41 thí sinh trúng tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ, ngành Giáo dục học, khóa 14, năm 2026 của Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội (có danh sách kèm theo quyết định này).

**Điều 2.** Các thí sinh trúng tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ, ngành Giáo dục học, năm 2026 được hưởng mọi quyền lợi và thực hiện mọi trách nhiệm theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành.

**Điều 3.** Trường Khoa ĐTSĐH, Phòng KT&ĐBCL, Phòng KHTC, các đơn vị có liên quan và các thí sinh có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như điều 3
- BGDĐT (để báo cáo)
- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Lưu VT, K.ĐTSĐH.

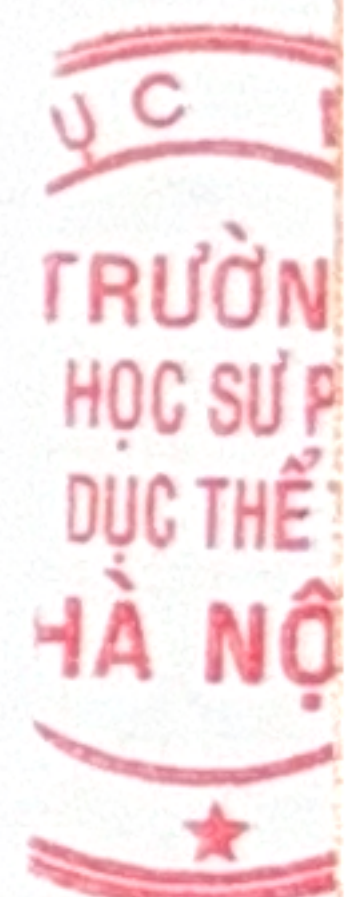


PGS.TS. Nguyễn Duy Quyết

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ,  
NGÀNH GIÁO DỤC HỌC, KHÓA 14, NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1091/QĐ-ĐHSPTDTTHN ngày 24 tháng 9 năm 2026 của  
Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội)

| TT | Họ và tên             | Giới tính | Ngày, tháng, năm sinh | Tổng điểm xét tuyển | Ghi chú |
|----|-----------------------|-----------|-----------------------|---------------------|---------|
| 1  | Bùi Tiến Anh          | Nam       | 03/11/2000            | 8,53                |         |
| 2  | Nguyễn Trọng Hùng Anh | Nam       | 08/05/2003            | 7,65                |         |
| 3  | Nguyễn Kiều Anh       | Nữ        | 13/01/2003            | 8,24                |         |
| 4  | Phí Việt Anh          | Nam       | 22/01/2004            | 7,59                |         |
| 5  | Nguyễn Thị Bích       | Nữ        | 12/08/2004            | 7,71                |         |
| 6  | Phan Thị Bích         | Nữ        | 05/03/2003            | 7,99                |         |
| 7  | Nguyễn Đức Chi        | Nam       | 07/12/1999            | 7,70                |         |
| 8  | Nguyễn Trần Cường     | Nam       | 23/06/1981            | 8,39                |         |
| 9  | Nguyễn Văn Dẫn        | Nam       | 01/01/1989            | 7,88                |         |
| 10 | Nguyễn Thùy Dung      | Nữ        | 12/03/2004            | 8,24                |         |
| 11 | Bùi Tuấn Đạt          | Nam       | 19/10/2002            | 7,85                |         |
| 12 | Lê Văn Đức            | Nam       | 04/07/2001            | 8,70                |         |
| 13 | Trương Quang Đức      | Nam       | 22/03/2004            | 8,21                |         |
| 14 | Nông Thị Gân          | Nữ        | 10/04/2003            | 8,66                |         |
| 15 | Nguyễn Hoàng Gia      | Nam       | 21/10/2003            | 7,65                |         |
| 16 | Quách Lê Nhật Hạ      | Nữ        | 07/06/2003            | 7,79                |         |
| 17 | Chu Thị Hồng Hạnh     | Nữ        | 08/08/2004            | 8,37                |         |
| 18 | Nguyễn Hà Lương Hoa   | Nữ        | 21/08/2001            | 8,25                |         |
| 19 | Phạm Như Hùng         | Nam       | 25/11/2004            | 7,59                |         |
| 20 | Đặng Quỳnh Hương      | Nữ        | 25/08/2004            | 7,97                |         |
| 21 | Bùi Quang Huy         | Nam       | 17/08/2001            | 7,59                |         |
| 22 | Đào Nhật Huy          | Nam       | 19/09/2004            | 7,66                |         |
| 23 | Mai Thanh Huyền       | Nữ        | 04/02/2004            | 7,58                |         |
| 24 | Bàn Văn Minh          | Nam       | 06/06/2003            | 7,95                |         |
| 25 | Nguyễn Hà My          | Nữ        | 28/10/2003            | 7,95                |         |
| 26 | Vương Thị Ngọc        | Nữ        | 26/07/1991            | 8,07                |         |



| TT | Họ và tên              | Giới tính | Ngày, tháng, năm sinh | Tổng điểm xét tuyển | Ghi chú |
|----|------------------------|-----------|-----------------------|---------------------|---------|
| 27 | Dương Thị Ánh Nguyệt   | Nữ        | 30/09/2004            | 8,38                |         |
| 28 | Hoàng Phan Yến Nhi     | Nữ        | 07/10/2004            | 8,34                |         |
| 29 | Nguyễn Minh Quân       | Nam       | 01/03/2004            | 7,80                |         |
| 30 | Tào Quốc Quân          | Nam       | 06/06/1993            | 7,60                |         |
| 31 | Vì Văn Quân            | Nam       | 02/02/1991            | 8,29                |         |
| 32 | Nguyễn Văn Quyền       | Nam       | 26/10/1993            | 9,03                |         |
| 33 | Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh  | Nữ        | 24/04/2002            | 7,70                |         |
| 34 | Nguyễn Thanh Thảo      | Nữ        | 01/02/2003            | 8,12                |         |
| 35 | Nguyễn Thị Phương Thảo | Nữ        | 13/08/2004            | 8.18                |         |
| 36 | Nguyễn Thị Thùy        | Nữ        | 09/02/2002            | 7,81                |         |
| 37 | Nguyễn Đình Mạnh Tuấn  | Nam       | 09/01/2004            | 7,58                |         |
| 38 | Đỗ Bá Tùng             | Nam       | 16/02/2003            | 7,60                |         |
| 39 | Đỗ Thị Hoài Uyên       | Nữ        | 16/08/1998            | 8,10                |         |
| 40 | Phạm Thị Hồng Vân      | Nữ        | 31/05/2004            | 7,88                |         |
| 41 | Nguyễn Văn Vũ          | Nam       | 03/04/2001            | 7,80                |         |

Danh sách gồm 41 thí sinh trúng tuyển./.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Nguyễn Duy Quyết

